

# NÔNG DÂN VỚI CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH ĐỔI MỚI QUẢN LÝ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP HIỆN NAY

CHU HỮU QUÝ\*

Phải thừa nhận rằng, lâu nay, chúng ta đã nghiên cứu và xây dựng các chủ trương chính sách đổi mới với nông nghiệp và nông thôn còn có phần đơn thuần về kinh tế - sản xuất - lưu thông... Ngay về mức sống ta cũng chỉ coi là kết quả tất yếu, duy nhất của kinh tế - sản xuất, không thấy hết bên cạnh và bên trong mức sống có còn lượng, thị hiếu, tập tục, dạng thức của lối sống, của trình độ văn hóa nói chung. Quan niệm đơn giản đó quả là không còn phù hợp nữa. Không tìm hiểu cặn kẽ các khía cạnh vật chất và tinh thần của đời sống người dân ở từng vùng, từng địa bàn cụ thể để kế thừa các tập quán, lối sống, các quan hệ cộng đồng vốn tốt đẹp và trường tồn của nó thì khó lòng có các chủ trương, chính sách thích ứng và có hiệu quả. Thậm chí có thể làm thui chột đi cái hay, cái đẹp của nơi này, nơi khác, làm mất mát đi ưu thế của từng địa phương. Rõ ràng những biện pháp xơ cứng và rập khuôn đã tỏ ra xa lạ, không vào được cuộc sống. Ngày nay, sự nghiệp đổi mới đang đòi hỏi trong mọi bước đi đều phải có sự kế thừa một cách có chọn lọc tất cả những gì đã có nhất là về phương diện đời sống văn hóa tinh thần, về tính cộng đồng xã hội cũng như đặc trưng của sản xuất hàng hóa...

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về nông nghiệp, từ sau Đại hội Đảng khóa VI và đặc biệt từ khi có nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đến nay, các vùng nông thôn nước ta đều có những chuyển biến tích cực. Nhưng đan xen và dính quện vào đấy cũng đã nảy sinh những phức tạp mới. Để nắm bắt được bức tranh nông thôn mới đang xuất hiện và nhận rõ những giá trị đã đạt được cần phải có một thái độ khách quan khoa học, không thể phê phán cực đoan cũng như không nên thêu dệt quá mức.

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp đã đề cập đến các vấn đề xã hội. Vậy từ đó đến nay ta đã có đề xuất gì cụ thể hơn, sắc nét hơn về các vấn đề xã hội nông thôn? Với mục tiêu xây dựng nông thôn mới giàu có, văn minh, công bằng, tươi đẹp... các chính sách xã hội đối với nông thôn và nông nghiệp hiện đang thế nào? Đã thực sự trở thành động lực trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới chưa? Các cuộc họp vùng vừa qua do đồng chí Lê Phước Thọ, Bí thư Trung ương Đảng, và Ban Nông nghiệp Trung ương triệu tập đã rà soát lại hàng loạt các vấn đề: giải quyết tranh chấp ruộng đất; định hướng cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp; các kiểu cách hợp tác, liên kết trong lĩnh vực nông - lâm - ngư

---

\* Phó tiến sĩ Kinh tế học - Phó trưởng Ban Nông nghiệp Trung ương

nghiệp theo tư tưởng hợp tác hóa của LêNin, các chính sách kinh tế và xã hội trong tình hình đổi mới đối với nông nghiệp: vấn đề cán bộ cơ sở ở nông thôn...

Để góp phần giải quyết những vấn đề trên, trong bài viết này, tôi trình bày *những biểu hiện về tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của người nông dân* trên một số vùng đất nước, trước các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới quản lý nông nghiệp hiện nay.

### 1) Về ruộng đất.

Một thời gian dài ở miền Bắc và trên mười năm qua ở miền Nam, do cách xây dựng quan hệ sản xuất mới (quốc doanh, tập thể) đã gây cho nông dân một ý thức gượng ép và mơ hồ về ruộng đất, người ta cho rằng ruộng đất là của chung, của Nhà nước, của tập thể, chứ không phải của chính mình. Điều đó đã dẫn đến một hậu quả tác hại : tách sự quan tâm chăm sóc hàng ngày và lâu dài của người lao động với ruộng đất.

Ở các địa phương đồng bằng, trung du phía Bắc đất ruộng hẹp, hầu hết vừa mới được chia theo đầu người theo tầm cỡ bản nông trong cải cách ruộng đất, lại được nhập chung vào hợp tác xã nông nghiệp vốn liếng thì nghèo, nhiều nơi mỗi hộ chỉ có 1/4 con trâu, công cụ thô sơ, người nông dân đóng góp vào làm ăn tập thể chủ yếu là sức lao động. Qua gần 30 năm hợp tác hóa, lại trải qua nhiều năm chống Mỹ, thực hiện chính sách thời chiến, nông dân được Nhà nước chi viện làm thủy lợi, có giống mới, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chuyển vụ, tăng vụ thâm canh, xây dựng đường sá, kiến thiết ruộng đồng... Cùng với thời gian, tất cả những điều đó đã xóa dần ý thức “của riêng” về đất đai của người nông dân. Ranh giới đất đai của từng gia đình khi làm ăn cá thể có nhiều nơi đã bị lu mờ. Đã qua hiện trạng đó, ngày nay các hộ nông dân tán thành ruộng đất là sử hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, và hợp tác xã giao khoán cho từng gia đình canh tác lâu dài (10 đến 15 năm hoặc lâu hơn nữa) đối với một số cây dài ngày và đất rừng. Nông dân tâm đắc với chính sách này vì rằng “sử dụng lâu dài” cũng tức là được gắn bó lâu dài với ruộng đất, có thể mãi mãi, chỉ có khác là không được tự ý mua bán. Nông dân đã được khẳng định lại một điều mong ước: nông dân và ruộng đất là một hợp thể, không có cái này thì không có cái kia. Việc tranh chấp ruộng đất nổi lên ở một số nơi thường là giữa thôn, xã này với thôn xã khác. Điều này phải chú trọng giải quyết sớm, không nên để những hậu quả đáng tiếc xảy ra như những vụ việc mà các phương tiện thông tin đại chúng đã nêu. Riêng ở miền núi có khía cạnh khác hơn.

Ở các địa phương phía Nam, vấn đề ruộng đất hiện nay phức tạp hơn nhiều. Vừa qua nông dân có nhiều đơn thưa kiện, xét về thực chất lại là điều phù hợp các chính sách, Nghị quyết. Khi có luật đất đai và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, mà đại đa số nông dân “im re” không đề xuất vấn đề gì cần giải quyết về ruộng đất thì đó mới là điều cần phải xem xét lại các chủ trương, chính sách. Bởi vậy nguyên trạng ruộng đất được điều chỉnh qua vài, ba lần, đến nay đã có nhiều sai phạm theo chủ nghĩa bình quân và xáo trộn lớn, chia tách hộ nông dân ra khỏi mảnh đất quen thuộc, “tước đoạt” quá đáng phần ruộng đất của một số khá lớn hộ trung nông do lao động, biết làm ăn mới tích góp được. Không ít đất đó bị “nhưng không” cho người khác mà một số những người này không đủ sức, đủ vốn, đủ kinh nghiệm tạo ra năng suất cao. “Tình nghĩa” thì có nhưng cải làm ra giảm sút đi nhiều. Thời kỳ mới giải phóng, người dân nói chung rất tin nghe Đảng, Họ nhiệt tình hưởng ứng mọi chủ trương, chính sách

thấy có gì sai nghịch trong cuộc sống cũng đành nghĩ rằng đó là tạm thời, tất cả cái hay là ở phía trước, nhưng năm này qua năm khác, cuộc sống hàng ngày cho thấy còn những chủ trương, chính sách chưa phù hợp với đời thường của người lao động. Cùng với tiến trình đổi mới tư duy, nông dân thấy rằng ruộng đất cần gắn bó lâu dài với người lao động. Ruộng đất phải ngày càng sinh lợi, chia đều ruộng đất cho mọi người là sai, ai giỏi nghề gì làm nghề nấy, ai có sức, có vốn, có kinh nghiệm sản xuất, biết làm ăn để làm giàu cho mình và cho xã hội thì xứng đáng có phần ruộng đất nhiều hơn, còn bà con nghèo khó thì phải có những cách giúp đỡ, đùm bọc v.v... Nông dân nhiều nơi trong vài năm qua sôi động phấn chấn về vấn đề ruộng đất. Những cái dở, cái xấu là do cán bộ ở một số nơi tham lam chiếm giữ nhiều ruộng đất của bà con, lại xử lý tranh chấp một cách động đốn, không sát, không đúng, thêm vào đó một số phần tử xấu thừa cơ phá rối làm mất ổn định nông thôn. Nông dân nói chung hiểu được điều này và đã giải quyết với nhau khá ổn thỏa. Như vậy, *Nghị quyết 10 đã góp phần "khuấy động" vấn đề ruộng đất để rồi giải quyết có phù hợp với thực tế cuộc sống hơn*. Thật là dễ hiểu khi người nông dân đón nhận Nghị quyết 10 bắt đầu từ vấn đề ruộng đất, các chính sách mới về giá, về lưu thông tự do, có sự thông thoáng hơn về vấn đề hợp tác hóa là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, cũng còn những vấn đề mắc mớ, tế nhị mà không chỉ nông dân, còn có khá nhiều cán bộ đặc ra: quyền sử dụng lâu dài và quyền sở hữu theo nhiều hình thức về ruộng đất nên giải quyết thế nào? Vấn đề nhượng, bán thành quả như điều 3, điều 5 của Luật đất đai đối với các vùng hoặc áp dụng riêng cho từng vùng có lịch sử ruộng đất và hiện trạng sử dụng khác nhau, nên quy định cụ thể thì như thế nào cho phù hợp hơn? Nhiều nông dân ở vùng này vùng nọ đang tranh trở về quyền sở hữu đất đai theo nhiều hình thức thế nào cho có lợi nhất mà chính quyền các cấp vẫn quản lý thống nhất đúng đắn được.

Ở đây cũng cần bàn thêm một số vấn đề có liên quan đến đất đai. Thực ra đất là tài nguyên số 1 của nhân dân. Đất nông nghiệp có gần 7 triệu ha, đất rừng trên chục triệu ha, ngoài ra còn các loại đất sử dụng cho công nghiệp, giao thông vận tải, các loại dịch vụ khác cho quốc phòng... Tại sao thuế lại chỉ bỏ vào người làm ruộng, rồi đến các loại cây trồng khác với mức trên dưới 10% sản phẩm làm ra. Vậy thuế đối với đất được sử dụng vào các mục đích khác, như đất ở các thành phố, thị trấn, khu công nghiệp... thì phải như thế nào? Lẽ nào nhà nước chỉ thu thuế trên đất đã có cây trồng chủ yếu là lương thực? Nông dân đang đòi hỏi phải trả lời về vấn đề này. Thuế đất thuế nông nghiệp chiếm 10% tổng sản lượng làm ra tức khoảng trên 20% sản phẩm mới sáng tạo (V+m), là cao đối với người trực tiếp sản xuất. Các cây, con, sản phẩm khác và thuế đất thuộc các mục đích sử dụng khác cần gánh bớt phần đóng góp cùng với người làm ra lương thực. Nhiều người cho rằng đất đai cần có sắc thuế riêng như một loại thuế tài nguyên, tùy mục đích sử dụng đất như nông nghiệp, công nghiệp, nhà ở, giao thông, du lịch, cho nước ngoài thuê mà có cách xác định mức thuế. Cần có sắc thuế, cụ thể như: thuế sản xuất kinh doanh, thuế dịch vụ... Như vậy mới công bằng, mới tạo nên giá trị thật của mọi loại đất đai và người ta mới giữ gìn, làm giàu thêm tài nguyên đất. Thuế đất đai cần làm rõ giá trị do địa tô chênh lệch tạo nên về mặt vị trí, cự ly giao lưu. Hiện nay phải tính đến khía cạnh này, không chỉ căn cứ vào độ màu mỡ vốn có ví dụ Thuế đất trong hoặc ven thị trấn, thành phố, gần nơi giao lưu phải cao hơn rất nhiều so với thuế đất ở vùng sâu ở trung du, miền núi.

Cần phải tìm hiểu kỹ những bản khoán khá phổ biến của người dân vùng miền núi, một phần trung du và một vài nơi có các loại quốc doanh nông, lâm, công nghiệp

cơ quan nhà nước, đơn vị quân đội ở. Các đơn vị này đang bao chiếm khá nhiều ruộng đất, thời gian nhiều năm qua đất bị chiếm dụng hoặc khoanh vào “quy hoạch” mà sử dụng thì kém hiệu quả, thậm chí bỏ hoang. Có huyện rộng đến cả 100.000ha đất tự nhiên, nhưng nông dân chỉ được sử dụng máy nghìn ha, còn hàng chục nghìn ha bị khoanh lại, người dân không được động đến. Nông dân thiết tha đề nghị Hội đồng Bộ trưởng, các Chủ tịch tỉnh, huyện và các ngành hữu quan cần nhanh chóng giải quyết. Đó là bà con nông dân miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, một số tỉnh miền núi trung du phía Bắc và một số địa phương khác.

## 2. Về quan hệ sản xuất và các thành phần kinh tế

Trên địa bàn nông thôn, người nông dân chỉ phân ra hai loại trong các mối quan hệ chung: 1) lĩnh vực sản xuất của nhân dân địa phương (hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, kinh tế gia đình, cá thể, tư nhân..), và 2) các tổ chức của nhà nước tại địa phương (các quốc doanh sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cung ứng, tiêu thụ bao gồm cả thủy nông, điện, máy kéo, bảo vệ cây trồng, vật nuôi, cơ sở giống, cơ sở chế biến, cửa hàng quốc doanh, ngân hàng, tài chính..). Có ý kiến cho rằng: nhà nước có nhiều loại tổ chức quốc doanh mà những đơn vị này tác động tổng hợp, giúp đỡ sản xuất của nhân dân tại địa phương còn lúng túng, chông chéo, nhiều đầu mối, có khi triệt tiêu nhau, gây nhiều phiền hà, thậm chí bắt chẹt, ăn chặn lẫn nhau. Đảng và Nhà nước đã có chủ trương chấn chỉnh tình hình này đã có một số tiến bộ nhưng kết quả chưa nhiều. Nhà nước cần họp mặt đông đủ đại diện các loại quốc doanh này với đại biểu những người sản xuất ở địa phương (chứ không phải cán bộ) để đối thoại chung quanh các vấn đề như: đất đai mà các cơ sở quốc doanh đang sử dụng: chức trách cụ thể của từng loại quốc doanh phục vụ thiết thực cho sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương, cần thì để lại và phải làm tốt, có hiệu quả, không cần thì dẹp bỏ. Các mối quan hệ về tổ chức và về lợi ích đóng góp với ngân sách địa phương mỗi năm bao nhiêu? Ngoài trách nhiệm nghề nghiệp thì phần đóng góp cho phúc lợi công cộng là gì? Một số chính sách thi hành tại địa phương về ngành chuyên môn có vấn đề gì cần giải quyết?.. Nông dân chỉ biết một vế là người dân, một vế khác là Nhà nước, thì các tổ chức quốc doanh chính là đại diện cho Nhà nước, tuy còn nhiều cơ quan, tổ chức khác nữa. Thực tiễn đã cho thấy, nhiều vùng nông dân làm ăn khấm khá một phần quan trọng là nhờ các tổ chức quốc doanh, ngược lại nhiều khi lụi bại cũng vì sự hoạt động kém hiệu quả của các đơn vị này.

Nông dân đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng khi 4 cũ và miền Trung, một số nơi ở Trung du, một vài nơi ở miền núi đã công nhận phong trào hợp tác hóa đã đưa lại cơm no, áo ấm, đời sống khá giả hơn, bộ mặt nông thôn được đổi mới. Họ đã chung sức, chung lòng và trầy trật xây dựng hợp tác xã. Nói chung, tổ chức hợp tác xã là ổn định, chỉ có quy mô nên như thế nào và nội dung hoạt động phải sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu của từng vùng. Người nông dân vừa lòng về cách khoán mới, về tinh giản bộ máy quản lý, về giảm bỏ nhiều quỹ của hợp tác xã, nhưng nhiều nơi các ngành nghề ở nông thôn bị suy giảm. Nông dân yêu cầu Nhà nước có biện pháp, chính sách để khắc phục, nếu không sẽ gây nhiều bế tắc cho nông thôn, đặc biệt là công ăn việc làm cho lớp thanh niên. Cần đề cao hơn nữa nguyên tắc tự chủ, tự quản và tự nguyện để đầu óc sáng tạo của nông dân được giải phóng. Vai trò tự chủ của các hộ xã viên với vai trò của hợp tác, liên kết cùng làm ăn tập thể một số công việc cũng còn vướng mắc, có nơi chưa rõ, cần được nghiên cứu hướng dẫn thêm.

Nông dân nhiều nơi ở trung du, nhất là ở miền núi và ngư dân ven biển đang còn nhiều ý kiến về kiểu cách hợp tác hóa, tập thể hóa. Nghề nông, nghề cá ở những địa phương này vào hợp tác xã đã vài ba chục năm nay, tại sao đến bây giờ vẫn không ổn định, hiệu quả kinh tế - xã hội mang lại tuy khác nhiều nhưng không thật rõ. Nông nghiệp thì xoay quanh mấy chục ha ruộng rộc làm lúa là chủ yếu, cộng thêm chút ít hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày. Nghề cá thì tổ chức phiến chế trong hợp tác xã theo kiểu làm ruộng, có cả chục thuyền theo đội, lao động ra khơi sắp xếp gọng ép ăn chia phân phối phiến toái.. Mấy năm gần đây có chuyển đổi cách tổ chức, nhưng nói chung cả hợp tác xã ở miền núi, trung du và hợp tác xã nghề cá vẫn chưa có cách tổ chức thích hợp. Ở đây, mô hình sản xuất được xây dựng gọng ép với các hình thức rập khuôn, phần lớn là các hình thức không thể đứng vững trên nền tảng quan hệ xã hội có nhiều đặc thù, các hình thức sở hữu, hệ thống quản lý và cách phân phối. Đặc điểm xã hội ở những vùng này phải được xem xét kỹ lưỡng trước khi xét đến phương hướng sản xuất cụ thể. Đại đa số hộ nông dân nơi đây mong muốn có các mối quan hệ hợp tác, liên kết, tương trợ và cùng nhau làm ăn sinh sống nhưng nói về tổ chức kinh tế tập thể thì họ chưa đồng ý với kiểu cách lâu nay vẫn làm.

Vùng trung du miền núi có thể mạnh riêng, trước mắt người nông dân phải lo lương thực, nhưng còn các cây con khác thì họ đòi hỏi có cách tổ chức hợp tác, liên kết thế nào giữa họ với nhau, và giữa họ với các tổ chức nhà nước, để có thể giao lưu hàng hóa. Ví dụ: mấy năm nay ta có chủ trương giao đất giao rừng, rất ít nơi làm đạt kết quả tốt. Ở các vùng trung du, thấy gia đình nào thường thường có một diện tích vườn nhà (vườn quanh nhà) rộng từ 3 đến 5 sào nhưng hiệu quả kinh tế rất thấp, vì hầu hết là vườn tạp, một số loại cây sống tự nhiên có lẽ đến mấy đời, không phải chăm bón, thu nhập chỉ khoảng vài chục ngàn đồng hàng năm. Đó là phần kinh tế gia đình, còn kinh tế tập thể thì trồng lúa. Hợp tác xã và chính quyền, đoàn thể không ngó ngang gì đến số diện tích vườn này. Có nông dân nói: “với 1 sào vườn này nếu có chính sách tốt, vốn chủ yếu là công lao động, chỉ trong vài ba năm trồng chè với năng suất 4 đến 5 tấn, cùng với các thu nhập khác, tôi sẽ trả lại 6 sào ruộng rộc cho bà con khác làm, mà ung dung nuôi đủ 5 miệng ăn”. Điều này cho thấy, lâu nay ta loay hoay chung quanh hợp tác xã ruộng rộc, còn hướng dẫn cung cách làm ăn kinh tế vườn ở đây với các mối quan hệ hợp tác, liên kết thế nào cho tốt thì xem như bỏ qua, không nằm trong bài bản hợp tác hóa. Nông dân ở vùng này có thể từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội từ một ít đất ruộng với kinh tế vườn nhà, khi có vốn rồi, tiến đến kinh tế vườn đồi, vườn rừng. Giàu có hơn nữa là trang trại công nghiệp, cây ăn quả, cây rừng và chăn nuôi. Phác ra bức tranh như vậy, bà con nông dân ai cũng thích. Tuy vậy, họ vẫn còn lúng túng trong tổ chức, chưa khai thác được thế mạnh của kinh tế vườn.

Nông dân Nam Bộ, chủ yếu là vùng đồng bằng sông Cửu Long, qua vài ba lần “cải tạo xã hội chủ nghĩa”, vô ra hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, đến nay đang lúng túng, hoài nghi. Bởi lẽ hợp tác hóa như vừa qua còn ít hiệu quả hoặc không có hiệu quả. Nguyên nhân chính là đã áp đặt cách tổ chức kinh tế tập thể trước đây ở miền Bắc vào hoàn cảnh, điều kiện Nam Bộ với đa số nông dân là trung nông đã có trình độ sản xuất hàng hóa. Một lần sai lầm trong việc tập thể hóa ruộng đất ở phía Nam là điều chỉnh cao bằng. Nông dân không bằng lòng với lối tập thể hóa triệt để, tổ chức quản lý rập khuôn, phân phối không rõ ràng, cán bộ quản lý chưa tốt, các chính sách kinh tế không khuyến khích sản xuất hàng hóa. Có thể nói 10 năm hợp tác hóa nông

nghiệp ở vùng này chưa thành công lại gây lên xáo động về sản xuất mất ổn định xã hội. Gần đây, nhờ một số chính sách phù hợp, nông nghiệp mới có bước phát triển, nông dân đã phấn khởi hơn. Người nông dân vẫn có mong muốn được hợp tác, tương trợ, cùng nhau liên kết làm ăn nhưng hình thức tổ chức như thế nào thì còn tùy vào yêu cầu của chính bản thân họ. Đã có một số ít hợp tác xã, tổ đội sản xuất đang đứng vững là phát triển cùng với một số dạng hình mới hình thành có hiệu quả, tuy chưa nhiều nhưng phù hợp. Nhưng điều này đã được kết luận.

Nhìn chung, hiện nay ở mọi vùng các tổ chức tín dụng, mua bán còn quá nhiều tiêu cực. Phát triển sản xuất hàng hóa mà không có vốn để vay, lãi mà không hợp lý, tổ chức mua bán không thành hệ thống chưa có mạng lưới rộng khắp có nhiều thứ cần bán không bán được, cần mua không biết mua nơi nào.

Kinh tế gia đình, cá thể, tư nhân đã có bước phát triển tốt. Vài năm gần đây, nông dân công nhận nhiều chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các thành phần kinh tế là phù hợp, có kết quả. Kinh tế gia đình, cá thể ở nhiều vùng có bước vươn lên rất rõ, ngay cả miền núi, vùng sâu. Sự sáng tạo của nông dân ở khu vực kinh tế gia đình, cá thể được phát huy mạnh hơn so với kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh. Kinh tế tập thể - quốc doanh, kinh tế gia đình, cá thể đang cạnh tranh gay gắt, kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể bị thách thức cũng đang làm nảy sinh một số mâu thuẫn về đất đai, lao động, vốn tiêu thụ sản phẩm, đóng góp nghĩa vụ... Còn kinh tế tư nhân trong nông lâm, ngư nghiệp và ngành nghề ở nông thôn thì phát triển không đều, tập trung ở ven biển, gần đô thị, một số vùng có sản xuất hàng hóa. Vốn liếng và lao động đầu tư vào sản xuất của họ chưa nơi nào tổng kết được hết, nhưng không phải là nhỏ. Nói chung có thành phần kinh tế còn chờ đợi nhiều chính sách cụ thể, nhất quán. Riêng thành phần tư nhân, nhiều nơi có tiềm lực lớn vẫn chưa mạnh dạn đầu tư vào sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Nông dân nhiều vùng có kiến nghị về tư tưởng các cơ quan lãnh đạo thị trường, nhà nước chưa có những giải pháp bảo vệ lợi ích của người trực tiếp sản xuất, chống đầu cơ, mua thấp bán cao, nhất là đối với nông dân nghèo.

### 3. Về một số chính sách kinh tế - xã hội.

Nổi lên hầu khắp mọi nơi trong mấy tháng qua là vấn đề bán thóc dư, tiêu thụ sản phẩm mầu lương thực, bán Sản phẩm nhiều loại cây công nghiệp ngắn và dài ngày, tiêu thụ lợn thịt, trâu bò, sản phẩm ngành nghề. Ở nông thôn nói chung giá cả thấp so với chi phí làm ra và bất lợi so với giá tư liệu sản xuất như máy móc, nông cụ, phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc thú y, điện, xăng dầu, vật liệu xây dựng và các sản phẩm công nghiệp khác. Nông dân lo lắng, nếu xu thế này tiếp tục thì cơ cấu sản xuất tại các vùng sẽ biến động bất lợi, đời sống nông dân giảm sút và không ổn định, sản lượng hàng hóa, kể cả xuất khẩu khó phát triển. Từ tình hình này, nông dân mong Nhà nước khẩn trương nghiên cứu ban hành chính sách bảo hộ nông dân một cách toàn diện (thiên tai, giá cả, các loại rủi ro...). Trước mắt cần có chính sách *giá bảo hiểm* ở mức tối thiểu không lỗ đối với lương thực, một số cây công nghiệp chủ lực, thịt lợn, sức kéo trâu bò, một số loại gỗ công nghiệp, một số sản phẩm ngành nghề ở nông thôn.. Cần lập quỹ bảo hộ nông dân ở nhiều cấp, rộng khắp mọi vùng.

Giá bán một số tư liệu sản xuất quan trọng nhất đối với nông nghiệp như phân bón, thuốc, điện, xăng dầu, máy móc là loại nhập khẩu cần có chính sách ưu đãi đối với một số vùng cụ thể.

Mạng lưới tổ chức bán tư liệu sản xuất và mua nông sản cần được xem xét cụ thể đối với từng vùng, theo từng loại hàng hóa. Nông dân đồng ý tổ chức liên kết giữa quốc doanh, tập thể, cá thể, tư nhân trong việc này, nhưng Nhà nước phải có kiểm soát nghiêm đối với mọi thành phần tham gia để giá cả tại nơi trực tiếp mua bán bảo đảm được chính sách đúng đắn, khuyến khích người lao động.

Lãi suất tính dụng ngân hàng và thời hạn cho vay cần xem xét lại theo hướng thời hạn vay cần đủ chu kỳ sản xuất ra sản phẩm, lãi xuất có phân biệt theo mục đích sản xuất kinh doanh, có khuyến khích rõ để tạo vốn xây dựng cơ cấu sản xuất mới theo thế mạnh của địa phương.

Nông dân nhiều nơi yêu cầu chính quyền các cấp tính toán công bố rõ mức đầu tư của Nhà nước cho sản xuất nông lâm, ngư nghiệp ở một số vùng, địa phương so với mức đầu tư bỏ vốn tại chỗ của bản thân nông dân với hiệu quả đầu tư để xem xét tính công bằng hợp lý của đầu tư Nhà nước và nhân dân vào sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Yêu cầu nông dân sản xuất kinh doanh phải biết tính cái hiệu quả, nhưng lại không hạch toán được vốn của Nhà nước bỏ ra đã đưa đến hiệu quả thế nào.

Còn nhiều ý kiến về các chính sách xã hội, đặc biệt là chính sách hưu trí của cán bộ và nông dân xã viên, chính sách đối với các đối tượng có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ, bệnh binh và gia đình neo đơn, gia đình nghèo khó. Lâu nay tùy thuộc vào sức dân địa phương là chính, tuy nhiên, sự đóng góp này ở một số nơi chưa hợp lý và không công bằng, không vững chắc. Các chính sách hỗ trợ về giáo dục, văn hóa, y tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, phúc lợi chung cần được đặc biệt quan tâm đối với vùng dân tộc ít người, vùng xa, vùng sâu.

Vừa qua Ban Nông nghiệp Trung ương tổ chức nhiều đoàn đi khảo sát, nghiên cứu lại một số địa phương miền núi, trung du, đồng bằng ven biển, quanh đô thị. Kết quả bước đầu cho thấy nông dân có hai ý kiến tập trung: Một là, Đảng và Nhà nước kêu gọi nông dân sản xuất ra nhiều hàng hóa, nay đã ít nhiều hàng hóa, giá cả nói chung là thấp, lại không có người mua. Vậy sắp tới thế nào? Hai là, kêu gọi phát huy mọi tiềm năng tạo ra nhiều của cải như trồng rừng, trồng cây ăn quả, rau đậu, chăn nuôi, các loại cây công nghiệp nhưng không ngăn chặn được nạn trộm cắp và các vụ phá hoại.

Trong nông dân ở các vùng thường có 10 đến 15% số hộ nghèo, đời sống rất chật vật, trong đó 3 đến 5% đời sống thật cực khổ. Mức phân hóa giàu nghèo vài ba năm gần đây đã xuất hiện rõ đặc biệt vùng quanh đô thị, vùng có sản xuất nhiều hàng hóa. Nông dân làm giàu đang có khí thế nhưng số nông dân nghèo rất lo lắng, có nơi mức chênh lệch của người giàu nhất với người nghèo nhất trong một địa phương đến trên dưới 30 lần (so sánh về thu nhập đầu người nâng thanh). Người nghèo khổ thuộc nhiều đối tượng, do các nguyên nhân khác nhau, nhưng các cấp Đảng, Chính quyền, đoàn thể ở một số địa phương chưa thật tích cực xem xét, tìm cách giải quyết giúp đỡ thỏa đáng.

#### **4. Xung quanh vấn đề ăn, mặc, ở của nông dân.**

Ở các vùng nông thôn hiện nay, đặc biệt năm được mùa như năm nay, ít có người thiếu đói. Nhưng nạn đói vẫn thường đe dọa ở một số vùng miền núi, vùng sâu ở đồng bằng, một số địa phương khu IV và khu V cũ, nơi thường có thiên tai. Nhiều

nông dân chưa hết lo về cái ăn. Năm nay, nghe nói có dự trữ Nhà nước khá lớn, nông dân ở một số vùng thường bị thiếu đói yêu cầu Nhà nước lập kho dự trữ lương thực tại chỗ. Việc phân phối sử dụng khi khẩn cấp thì chính quyền địa phương phải chịu trách nhiệm trước Trung ương.

Xu hướng chung về sản xuất lương thực ở nhiều địa phương vẫn tập trung vào lúa gạo. Trước đây, ở một số vùng miền núi, trung du, miền trung, ven biển có cơ cấu ăn các loại màu lương thực, rau, củ, quả, nay khẩu phần ăn về số lượng có bảo đảm hơn, nhưng chất lượng dinh dưỡng chưa thật tốt. Nông dân các vùng này yêu cầu Nhà nước chú ý đầu tư sản xuất màu lương thực hơn nữa, cần có sách giá thích hợp và nên thí điểm xây dựng tại các hộ nông dân những cơ sở chế biến, để có thức ăn màu, củ, quả...

Về mặc và nhà ở của nông dân ở nhiều vùng được cải thiện rõ. Tuy vậy vùng núi cao rét đậm, vùng biển có nước mặn nhiều, nông dân có yêu cầu về các loại vải, sợi khác hơn. Đến nay, công nghiệp vải sợi vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân vùng núi, ven biển. Nhà ở tại nhiều vùng được xây dựng tốt hơn. Thế nhưng ở miền núi, ven biển, vùng sâu đồng bằng sông Cửu Long tình hình còn rất khó khăn. Nông dân đề nghị ở những nơi đây cần có chính sách ưu đãi về giá vật liệu xây dựng.

#### **5. Về trật tự trị an và tổ chức chính quyền ở cơ sở.**

Trong đợt trung cầu ý kiến tại một số địa phương, nông dân lo lắng nhất là tình hình mất an ninh như trộm cắp, thanh thiếu niên hư hỏng, nạn cờ bạc, nghiện hút, rượu chè, tập tục lạc hậu còn phổ biến và có xu hướng tăng dần. Vai trò chính quyền xã, thôn ở nhiều nơi còn yếu, ít hiệu lực. Nhân dân nông thôn giảm lòng tin vì kỷ cương pháp luật không nghiêm, có nơi người dân không biết dựa vào đâu để có an ninh về tài sản, tính mệnh. Nông dân đòi hỏi phải có những biện pháp cấp bách tăng cường uy lực của chính quyền cơ sở. Một số ít cán bộ cơ sở lo vun vén cá nhân, có nơi lạm quyền, hống hách, uy hiếp nhân dân cần được các cấp thanh tra xử lý. Cần bảo đảm dân chủ thực sự trong bầu cử nhất là việc chọn người lãnh đạo tại các địa phương.